TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST
Ngày 04 – 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH1 tòa: Bà Vũ Thị Dịu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Nguyễn Văn Ước

- Thư ký pH1 tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia pH1 tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát V.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Danh Đ, sinh ngày 23/6/1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh Đ2 và bà Phạm Thị Q có vợ là Nguyễn Thị Thu N1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Nguyễn Danh K,** sinh ngày 04/3/1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh T2 và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị O và 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Ngày 04/4/2020 bị Công an xã N, huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Xuân K1, sinh ngày 06/6/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Xuân Chiếng, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B và bà Lê Thị K3; có vợ là Nguyễn Thị P và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bùi Xuân H, sinh ngày 10/9/1986 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Xuân Chiếng, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân Đ và bà Nguyễn Thị T3; có vợ là Bùi Thị V và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Phạm Đức H1, sinh ngày 16/10/1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức H2 và bà Nguyễn Thị L1; có vợ là Nguyễn Thanh Huyền và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lương Văn S, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Xuân Đng, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Mạnh Xuân S1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Cù Văn A, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm Ngoại, xã K Hòa, huyện Yên K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang Đ1, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Trịnh Thanh C, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang X, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH1 tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 00 giờ 25 phút ngày 29/7/2022, Công an huyện K bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc, hình thức đánh lốc được thua bằng tiền tại nhà chị Trịnh Thanh C thuộc thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng, gồm:

Chiếu bạc thứ nhất có 04 đối tượng, gồm: Nguyễn Danh K, Nguyễn Danh Đ, Nguyễn Xuân K1, Bùi Xuân H. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.920.000 đồng, 01

bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài; thu trên người K số tiền 1.930.000 đồng; thu trên người K1 số tiền 7.022.000 đồng; thu trên người H số tiền 31.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai có 04 đối tượng, gồm: Phạm Đức H1, Mạnh Xuân S1, Lương Văn S,và Cù Văn A. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.370.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ có 52 quân bài; thu của S1 20.000 đồng để ở cạnh chiếu bạc; thu trên người S1 2.527.000 đồng; thu trên người H1 5.310.000 đồng; thu trên người An 2.802.000 đồng; thu trên người S 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Tối ngày 28/7/2022, Nguyễn Duy K, Phạm Đức H1, Nguyễn Quang Đ1, Nguyễn Quang T và một số người khác đến nhà vợ cH chị C ăn cơm và ngồi chơi uống nước. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày K, H1, Đ1, T rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại phòng khách nhà chị C. Cả nhóm lấy bộ có sẵn tại đây để đánh bạc và quy ước tỷ 5.000 đồng, 10.000 đồng, 15.000 đồng tương ứng với số tiền người về thứ hai, thứ B, thứ tư phải trả cho người về nhất; người nào "cháy" phải trả cho người về nhất 50.000 đồng, người nào "ù" thì B người còn lại mỗi người phải trả cho người "ù" 100.000 đồng. Quá trình đánh bạc, K sử dụng 300.000 đồng, H1 sử dụng 200.000 đồng, T sử dụng 200.000 đồng, Đ1 sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc; K và H1 không thắng không thua, T thắng của Đ1 50.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 850.000 đồng, cả nhóm đánh bạc đến 22 giờ 30 phút cùng ngày nghỉ chơi, T, Đ1 về nhà, đến ngày 06/8/2022 cả hai đến Công an huyện K trình diện; Đ1 tự nguyện giao nộp 100.000 đồng, T tự nguyện giao nộp 250.000 đồng số tiền đánh bạc.

Sau khi T, Đ1 về thì K, H1, Nguyễn Danh Đ, Nguyễn Xuân K1 tiếp tục rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh lốc được thua bằng tiền tại phòng khách nhà chị C. Cả nhóm lấy bộ bài có sẵn tại đây, quy ước theo tỷ lệ 5.000 đồng/01 lá bài, "cháy" 70.000 đồng, "lốc" 150.000 đồng; nghĩa là mỗi lá bài còn lại khi kết thúc một ván bài tương ứng với số tiền người chơi bị thua là 5.000 đồng; nếu chưa đánh được lá bài nào nghĩa là "cháy" người chơi bị thua 70.000 đồng; nếu người nào báo "lốc" thì những người chơi còn lại mỗi người bị thua 150.000 đồng. Quá trình đánh bạc, Đ sử dụng 6.400.000 đồng, K sử dụng 2.430.000 đồng, K1 sử dụng 1.520.000 đồng, H1 sử dụng 130.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm chơi được vài ván, H1 thua hết 130.000 đồng nên không chơi nữa, Bùi Xuân H đang ngồi xem cả nhóm đánh bạc vào thay chỗ của H1 và sử dụng 1.370.000 đồng để đánh bạc. Cả nhóm quy ước lại theo tỷ lệ 10.000 đồng/01 lá bài, "cháy" 150.000 đồng; "lốc" 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc, Đ thua 790.000 đồng, K1 thắng 920.000 đồng, H1 thua 130.000 đồng, K và H không thắng không thua. Tổng số tiền K, Đ, K1, H1, H sử dụng để đánh bạc là 11.850.000 đồng.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, H1, Mạnh Xuân S1, Lương Văn S và Cù Văn A rủ nhau đánh bạc, hình thức đánh lốc được thua bằng tiền tại phòng khách nhà chị C.

Cả nhóm lấy bộ bài có sẵn tại đây, quy ước theo tỷ lệ 1.000 đồng/01 lá bài, "cháy" 30.000 đồng, "lốc" 50.000 đồng. Quá trình đánh bạc, H1 sử dụng 370.000 đồng, S1 sử dụng 550.000 đồng, A sử dụng 450.000 đồng, S sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, H1 thua 360.000 đồng, S1 thắng 90.000 đồng, A thắng 270.000 đồng, S không thắng không thua. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 1.470.000 đồng.

Cả hai chiếu đánh bạc đến 00 giờ 25 phút ngày 29/7/2022 bị Công an huyện K bắt quả tang và thu giữ vật chứng như trên. Số tiền Công an huyện K thu trên người K 1.930.000 đồng, trên người S 100.000 đồng là số tiền K, S sử dụng để đánh bạc, còn lại số tiền thu cạnh chiếu bạc và trên người các đối tượng K1, H, S, S1, H1, A đều không sử dụng để đánh bạc.

Về vật chứng: Ngày 24/9/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại 7.022.000 đồng cho Nguyễn Xuân K1, 31.000 đồng cho Bùi Xuân H, 5.310.000 đồng cho Bùi Đức H1, 2.547.000 đồng cho Mạnh Xuân S1, 1.100.000 đồng cho Lương Văn S, là những chủ sở hữu hợp pháp không sử dụng số tiền trên để đánh bạc. Đối với số tiền 2.802.000 đồng thu giữ trên người An không sử dụng để đánh bạc, hiện nay A đang vắng mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chuyển số tiền trên đến Công an huyện K để xử lý theo hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với số tiền đánh bạc 11.850.000 đồng tại chiếu thứ nhất; 1.470.000 đồng tại chiếu thứ hai; 350.000 đồng số tiền T, Đ1 giao nộp lại và 02 bộ bài tú lơ khơ, chuyển đến Chi cục thi hành án án dân sự huyện K quản lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và đồng ý với kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc". Ngoài ra các bị cáo khai: Trước khi đánh bạc, các bị cáo không bàn bạc với ai và cũng không ai thông báo cho các bị cáo đến đánh bạc. Bị cáo Đ mang theo 6.400.000 đồng, sử dụng 6.400.000 đồng để đánh bạc, thua 790.000 đồng. Bị cáo K mang theo 2.430.000 đồng, sử dụng 2.430.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua. Bị cáo K1 mang theo 8.542.000 đồng, sử dụng 1.520.000 đồng để đánh bạc, thắng 920.000 đồng. Bị cáo H1 mang theo 5.810.000 đồng, sử dụng 130.000 đồng để đánh bạc, thua 130.000 đồng. Bị cáo H mang theo 1.401.000 đồng, sử dụng 1.370.000 đồng để đánh bạc, không thắng, không thua. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 11.850.000 đồng. Quá trình đánh bạc, không ai canh gác, cảnh giới, không ai thu tiền hồ, không ai cho vay tiền, cầm cố tài sản để đánh bạc. Chủ nhà là anh X, chị C sau khi ăn cơm xong đã đi ngủ nên không biết các bị cáo đánh bạc. Các bị cáo Đ, K, H1, H thu nhập trung bình mỗi tháng từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, bị cáo K1 thu nhập trung bình từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng sự khoan H của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang Đ1 khai phù hợp với nội dung nêu trên. Số tiền 100.000 đồng, anh đã tự nguyện nộp cho cơ quan Công an là tiền anh sử dụng đánh bạc, anh không yêu cầu nhận lại.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSKT, ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Nguyễn Danh Đ, Nguyễn Danh K, Nguyễn Xuân K1, Bùi Xuân H, Phạm Đức H1 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ tháng 12 tháng đến 18 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh K từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo từ 5% đến 10%

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức H1: Từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu số tiền 13.670.000 đồng do các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng đánh bạc để sung vào ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý).

Các bị cáo nói lời sau cùng : Các bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất, được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra V; Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và nội dung bản Cáo trạng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 28/7/2022 đến 00 giờ 25 phút ngày 29/7/2022 tại nhà chị Trịnh Thanh C thuộc thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng có Nguyễn Danh Đ, Nguyễn Danh K, Nguyễn Xuân K1, Bùi Xuân H, Phạm Đức H1 đánh bạc trái phép, hình thức đánh lốc được thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 11.850.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm, tính chất vụ án ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân; đồng thời là nguyên nhân, điều kiện phát sinh các loại tội phạm khác; cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Xét vai T1 của từng bị cáo trong vụ án: Các bị cáo Đ, K, K1, H1 cùng rủ nhau đánh bạc nhưng không xác định bị cáo nào đề xuất nên các bị cáo có vai T1 ngang nhau, bị cáo Đ sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất nên phải chịu hình phạt cao nhất, sau đó đến bị cáo K, bị cáo K1, bị cáo H sử dụng số tiền đánh bạc giảm dần, cần xem xét áp dụng hình phạt tương xứng với các bị cáo; bị cáo H1 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất nên chịu mức hình phạt nhẹ nhất.

[5] Nhân thân các bị cáo Đ, K1, H1, H đều không có tiền án, tiền sự; bị cáo K đã từng có 01 tiền sự: Ngày 04/4/2020 bị Công an xã N, huyện K xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.000.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt xong số tiền trên từ ngày 08/4/2020; căn cứ theo quy định tại Điều

7 của Luật xử lý vi phạm hành chính, tính đến ngày 28/7/2022 K được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Theo hướng dẫn tại Điều 2, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đều được coi là có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo có đơn xin bảo lãnh, được chính quyền địa phương xác nhận; các bị cáo K, K1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Sau khi xem xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Đ; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo K, K1, H và khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo ; áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo H1 như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Đ nghề nghiệp lao động tự do, có mức thu nhập trung bình từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng nên áp dụng hình phạt bổ sung, mức phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát V tại pH1 tòa là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo K, K1, H đã bị khấu trừ một phần thu nhập, bị cáo H1 bị áp dụng phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 13.670.000 đồng và 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài (đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K quản lý). Xét số tiền này, các bị cáo và người liên quan sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; 02 bộ bài tú lơ khơ thuộc quyền sở hữu của vợ chồng chị C nhưng vợ chồng chị C xác định không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Trong vụ án này, chủ nhà là vợ chồng chị C không biết các đối tượng đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với S1, A, S, T, Đ1 có hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, chưa có tiền án, tiền sự nên ngày 26/9/2022 Công an huyện K đã xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Danh Đ: 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc", thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Danh Đ cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Danh K: 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Danh K cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Danh K với thời gian 15 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K1: 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Nguyễn Xuân K1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Nguyễn Xuân K1 với thời gian 12 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H: 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ (từ ngày 29/7/2022 đến ngày 01/8/2022) bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 8 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Bùi Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo Bùi Xuân H với thời gian 09 tháng, mỗi tháng bị cáo bị khấu trừ 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức H1: 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội "Đánh bạc" để nộp vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.670.000đ (mười B triệu sáu trăm bầy mươi nghìn đồng) theo Ủy nhiệm chi lập ngày 17/10/2022 tại Kho bạc Nhà nước huyện K; tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ bài có 52 quân (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quang Đ1 có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn S, Mạnh Xuân S1, Cù Văn A, Nguyễn Quang T, Trịnh Thanh C, Nguyễn Quang X có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K ;
- Chi cục THA dân sự + Sở tư pháp;
- PV 06; PC 10;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH1 TÒA

Vũ Thị Dịu